

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/DS-ST

Ngày 16/4/2021

Về việc tranh chấp hợp

đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Ngọc Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Sỹ Phác và bà Nguyễn Thúy Luân.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên toà: Bà Lê Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2020/DSST ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng B;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 130 Ph, phường 3, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T– Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Văn S - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng B – Chi nhánh Đăk Nông;

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Quang M (theo văn bản ủy quyền ngày 12/11/2020) - Có mặt.

Địa chỉ: Số 199 T, thị trấn Đăk Mil, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

- Bị đơn: Ông Trần Hữu H và bà Phan Thị Q;

Cùng địa chỉ: Thôn Tr, xã Đ, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông - Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Hữu N, bà Lê Thị Th, anh Phan Hữu Kh và anh Phan Hữu Ng - Vắng mặt;

Cùng trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2020 của nguyên đơn Ngân hàng B và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Quang M trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay trình bày: Ngày 09/3/2018 ông Trần Hữu H và bà Phan Thị Q ký kết hợp đồng tín dụng số K0029/118 với Ngân hàng B – Chi nhánh Đắk Nông để vay số tiền 600.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất cho 12 tháng đầu tiên là 10,5%/năm, được điều chỉnh theo định kỳ vào ngày 09 hàng tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay: kinh doanh hàng tiêu dùng; Ngân hàng B – Chi nhánh Đắk Nông đã giải ngân đầy đủ số tiền theo bảng kê rút vốn kiêm giấy nhận nợ vay ngày 14/3/2018 có xác nhận của ông H và bà Q.

Về tài sản đảm bảo cho khoản vay: Để đảm bảo cho khoản vay, các thành viên trong hộ ông N (gồm ông Phan Hữu N, bà Lê Thị Th, bà Phan Thị Q, anh Phan Hữu Kh và anh Phan Hữu Ng) đã ký văn bản ủy quyền ngày 05/3/2018 và văn bản ủy quyền ngày 08/3/2018 ủy quyền cho ông N, bà X ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K0078/TC18 thế chấp tài sản gồm: Quyền sử dụng đất thửa đất số 602, tờ bản đồ 18, diện tích 1450m² đất trồng cây lâu năm và tài sản gắn liền với đất theo GCNQSDĐ số AL454896 do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 28/01/2008 cho hộ ông N và bà X; quyền sử dụng đất thửa đất số 310, 308 tờ bản đồ số 18, trong đó có 400m² đất ở, 1900m² đất trồng cây lâu năm, 700m² đất ao và tài sản gắn liền với đất theo GCNDSĐĐ số V453794 do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 03/12/2002 cho hộ ông N, được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13/3/2018 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đắk Mil.

Về nghĩa vụ thanh toán: Sau khi vay, ông H và bà Q mới thanh toán cho Ngân hàng B, chi nhánh Đắk Nông 70.000.000 đồng tiền gốc, 58.230.000 đồng tiền lãi trong hạn. Sau đó, ông H và bà Q bỏ đi khỏi địa phương không tiếp tục thanh toán tiền gốc và tiền lãi còn nợ. Do đó, Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu ông H và bà Q phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng B số tiền 726.138.973 đồng, trong đó có 530.000.000 đồng tiền gốc, 4.770.000 đồng tiền lãi trong hạn, 191.368.973 đồng tiền lãi quá hạn tính đến ngày 16/4/2021 và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp ông H và bà Q không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H và bà Q không hợp tác. Kết quả xác minh thể hiện ông H và bà Q đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2018, không xác định được cụ thể địa chỉ nơi cư trú mới. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã thực hiện thủ tục đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng (báo Công Lý; Đài tiếng nói Việt Nam) thông báo về việc thụ lý vụ án và ấn định thời gian làm việc đối với ông H và bà Q. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N, bà X, anh Ng và anh Kh đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ, tuy nhiên các đương sự vẫn cố tình vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông H và bà Q phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng B số tiền 726.138.973 đồng, trong đó có 530.000.000 đồng tiền gốc, 4.770.000 đồng tiền lãi trong hạn, 191.368.973 đồng tiền lãi quá hạn tính đến ngày 16/4/2021 và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp ông H và bà Q không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ thì Ngân hàng B có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Về chi phí xem xét thẩm định, án phí dân sự sơ thẩm, buộc bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật; về chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông H và bà Q. Tuy nhiên, do ông H và bà Q đã bỏ đi khỏi địa phương, do đó không thể thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp. Đơn khởi kiện của nguyên đơn đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn theo hợp đồng tín dụng, phù hợp với kết quả xác minh và thu thập tài liệu chứng cứ của Tòa án. Căn cứ vào Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đây được coi là trường hợp bị đơn cố tình che giấu địa chỉ, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã thực hiện việc đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng là đúng quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa là đảm bảo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Căn cứ hợp đồng tín dụng số K0029/118 ngày 09/3/2018 và bảng kê rút vốn kèm giấy nhận nợ ngày 14/3/2018 giữa ông H và bà Q với Ngân hàng B, chi nhánh Đắk Nông có cơ sở xác định: ông H và bà Q vay Ngân hàng B, chi nhánh Đắk Nông số tiền 600.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất cho 12 tháng đầu tiên là 10,5%/năm, được điều chỉnh theo định kỳ vào ngày 09 hàng tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay: kinh doanh hàng tiêu dùng. Ngân hàng B – chi nhánh Đắk Nông đã giải ngân đầy đủ.

[2.2]. Hợp đồng tín dụng giữa các bên thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện rõ về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất, phương thức thanh toán, quyền và nghĩa vụ của các bên, tuân thủ về phạm vi hoạt động, quy định lãi suất theo Điều 90, 91 của Luật các tổ chức tín dụng, có ký xác nhận thể hiện sự tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật theo Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3]. Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Sau khi vay, ông H và bà Q chỉ thanh toán cho Ngân hàng B – chi nhánh Đắk Nông 70.000.000 đồng tiền gốc và 58.230.000 đồng tiền lãi. Xét thấy, ông H và bà Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi hợp pháp của Ngân hàng B. Do đó, Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu ông H và bà Q thanh toán nợ gốc còn lại và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là có cơ sở chấp nhận.

[2.4]. Về tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay, các thành viên trong hộ ông N (gồm ông N, bà X, bà Q, anh Kh và anh Ng) đã ký văn bản ủy quyền ngày 05/3/2018 và văn bản ủy quyền ngày 08/3/2018 ủy quyền cho ông N và bà X ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K0078/TC18 thế chấp tài sản gồm: Quyền sử dụng đất thửa đất số 602, tờ bản đồ 18, diện tích 1450m² đất trồng cây lâu năm và tài sản gắn liền với đất theo GCNQSDĐ số AL454896 do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 28/01/2008 cho hộ ông N và bà X; quyền sử dụng đất thửa đất số 310, 308 tờ bản đồ số 18, trong đó có 400m² đất ở, 1900m² đất trồng cây lâu năm, 700m² đất ao và tài sản gắn liền với đất theo GCNQSDĐ số V453794 do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 03/12/2002 cho hộ ông N, được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13/3/2018 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đắk Mil.

Việc các thành viên trong hộ gia đình ông N đồng ý ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản vay của ông H và bà Q với Ngân hàng B là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật. Nội dung, hình thức của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất phù hợp với quy định tại các Điều 317, Điều 319 Bộ luật dân sự 2015; Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 về đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, hợp đồng thế chấp phát sinh hiệu lực.

Kết quả xem xét, thẩm định tài sản thế chấp xác định: các tài sản thế chấp đúng vị trí theo bản đồ địa chính; ông Hiền và bà X, anh Ng, anh Kh đang là người quản lý, sử dụng tài sản thế chấp và các công trình xây dựng trên đất. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của Ngân hàng B về việc xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trong trường hợp ông H và bà Q không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ là có cơ sở, đảm bảo theo quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự 2015 nên cần chấp nhận.

[3]. Về chi phí xác minh, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng: Căn cứ Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Ngân hàng B, chi nhánh Đắk Nông phải chịu 5.000.000 đồng chi phí xác minh, đăng tin đã chi phí trong quá trình giải quyết vụ án.

[4]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông H và bà Q phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng B, chi nhánh Đắk Nông 3.000.000 đồng tiền xem xét thẩm

định tại chỗ Ngân hàng B, chi nhánh Đắk Nông đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án.

[5]. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 180 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 299, Điều 317, Điều 319, Điều 320 BLDS 2015; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 về đăng ký biên pháp bảo đảm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng B về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn ông Trần Hữu H và bà Phan Thị Q.

2. Buộc ông Trần Hữu H và bà Phan Thị Q có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng B số tiền 726.138.973 đồng (*bảy trăm hai mươi sáu triệu một trăm ba mươi tám nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng*), trong đó có 530.000.000 đồng (*năm trăm ba mươi triệu đồng*) tiền gốc, 4.770.000 đồng (*bốn triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng*) tiền lãi trong hạn, 191.368.973 đồng (*một trăm chín mươi một triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng*) tiền lãi quá hạn tính đến ngày 16/4/2021.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Trần Hữu H và bà Phan Thị Q không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất thửa đất số 602 tờ bản đồ 18 diện tích 1450m² đất trồng cây lâu năm và tài sản gắn liền với đất theo GCNQSDĐ số AL454896 do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 28/01/2008 cho hộ ông Phan Hữu N, vợ Lê Thị Th; quyền sử dụng đất thửa đất số 310, 308 tờ bản đồ số 18 trong đó có 400m² đất ở, 1900m² đất trồng cây lâu năm, 700m² đất ao và tài sản gắn liền với đất theo GCNQSDĐ số V453794 do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 03/12/2002 cho hộ

ông Phan Hữu N theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K0078/TC18 ngày 09/3/2018.

3. Về chi phí xác minh, đăng tin trên pH tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng B, chi nhánh Đắk Nông phải chịu 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) chi phí xác minh, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Trần Hữu H và bà Phan Thị Q phải hoàn trả cho Ngân hàng B, chi nhánh Đắk Nông 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) Ngân hàng B, chi nhánh Đắk Nông đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Trần Hữu H và bà Phan Thị Q phải chịu 33.045.600 đồng (*ba mươi ba triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng B, chi nhánh Đắk Nông 15.649.000 đồng (*mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003712 ngày 11/11/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THA.DS huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trương Ngọc Thanh